

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT

Tổ chức thực hiện đấu giá




SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (084-4) 3941 2626 Fax: (084-4) 3934 7818

Tổ chức phát hành

 Thongnhat

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Số 10B phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (084-38) 572 699 Fax: (084-38) 572 744

Tổ chức tư vấn



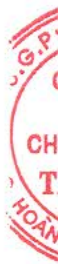
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà TTXVN, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (084-4) 3728 0921 Fax: (084-4) 3728 0920

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	1
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	2
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa – Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.....	2
2. Doanh nghiệp cổ phần hóa: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT	2
3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT	2
III. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG	3
1. Căn cứ pháp lý về đợt chào bán	3
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần.....	3
2.1 Thông tin cơ bản về tổ chức chào bán và cổ phiếu chào bán.....	3
2.2 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá	4
2.3 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần bán cho người lao động.....	5
IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	6
1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	6
1.1 Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa	6
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển.....	7
2. Ngành nghề kinh doanh	7
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	9
4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.....	10
4.1 Mô hình quản lý của công ty.....	10
4.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:.....	10
5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	11
6. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.....	12
7. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp.....	15
7.1 Tình hình đất đai của Doanh nghiệp	15
7.2 Tình hình tài sản cố định chủ yếu của Công ty.....	18
7.3 Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty	19
8. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh	20
8.1 Công ty mẹ.....	20
8.2 Công ty con	20
8.3 Công ty thành viên, công ty liên kết, liên doanh	20
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	21
9.1 Tình hình hoạt động kinh doanh.....	21
9.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	26
9.3 Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	31
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32



10.1	Vị thế Công ty trong ngành	32
10.2	Triển vọng phát triển của ngành	32
10.3	Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	33
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC SAU CỔ PHẦN HÓA CỦA CÔNG TY.....		33
1.	Thông tin chung về công ty cổ phần	33
2.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa	33
2.1	Mục tiêu, định hướng phát triển sau cổ phần hóa.....	33
2.2	Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	34
2.3	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa	36
2.4	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa	37
2.5	Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch:	38
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa	40
3.1	Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa	40
3.2	Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa	41
VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA		45
1.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần.....	45
2.	Dự kiến chi phí cổ phần hóa	47
VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....		46
1.	Rủi ro về kinh tế.....	46
1.1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	46
1.2	Lạm phát	46
1.3	Lãi suất	47
2.	Rủi ro về pháp luật	47
3.	Rủi ro đặc thù	47
3.1	Rủi ro từ công nghệ	47
3.2	Rủi ro cạnh tranh	48
4.	Rủi ro của đợt chào bán	48
5.	Rủi ro khác.....	48
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG.....		48
1.	Chủ sở hữu vốn Nhà nước	48
2.	Tổ chức phát hành.....	48
3.	Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp	48
4.	Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng	49
IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN		49

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	12
Bảng 2.	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 01/01/2015	13
Bảng 3.	Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng	15
Bảng 4.	Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2014	18
Bảng 5.	Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2014	19
Bảng 6.	Cơ cấu sản lượng của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa:	21
Bảng 7.	Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa	21
Bảng 8.	Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa	22
Bảng 9.	Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty	24
Bảng 10.	Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết	26
Bảng 11.	Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa	26
Bảng 12.	Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2014	27
Bảng 13.	Chi tiết các khoản nợ vay.....	30
Bảng 14.	Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa	37
Bảng 15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty 3 năm sau cổ phần hóa.....	37
Bảng 16.	Kế hoạch nhân sự trong giai đoạn 2016 – 2018.....	44

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ tổ chức hiện tại của Công ty	10
Hình 2.	Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa	41

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ❖ Bán đấu giá cổ phần : Là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất
- ❖ Nhà đầu tư : Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.
- ❖ Ban chi đạo cổ phần hoá : Ban chi đạo cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất
- ❖ Công ty : Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất
- ❖ UBND : Ủy ban Nhân dân
- ❖ TVSI : Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt
- ❖ TNHH MTV : Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ❖ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ❖ DTT : Doanh thu thuần
- ❖ LNST : Lợi nhuận sau thuế
- ❖ VCSH : Vốn chủ sở hữu
- ❖ NPT : Nợ phải trả
- ❖ ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- ❖ GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- ❖ SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ❖ CP : Cổ phần
- ❖ ATLĐ : An toàn lao động
- ❖ VSLĐ : Vệ sinh lao động
- ❖ PCCN : Phòng chống cháy nổ
- ❖ SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ❖ CNTT : Công nghệ thông tin
- ❖ KPSN : Kinh phí sự nghiệp
- ❖ BCTC :
 - Báo cáo tài chính các năm 2013, 2014 đã được kiểm toán, có bao gồm số liệu của Nhà máy ViHa
 - Báo cáo tài chính năm 2015 chưa được kiểm toán do Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất tự lập
- ❖ XDCB : Xây dựng cơ bản

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa – Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

- ❖ Trưởng ban chỉ đạo – Ông Phạm Công Bình, Phó Giám đốc Sở Tài chính, Phó Trưởng ban thường trực Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố Hà Nội.
- ❖ Phó Trưởng Ban – Ông Nguyễn Hữu Sơn, Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất.
- ❖ Và các thành viên khác theo quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 16/7/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.
- ❖ Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT

- ❖ Ông Nguyễn Hữu Sơn Chức vụ: Tổng Giám đốc
- ❖ Bà Lại Thanh Xuân Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

- ❖ Ông Lê Thanh Tùng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 144/2016/UQ-TGD ngày 16/3/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất cung cấp.

III. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Căn cứ pháp lý về đợt chào bán

- ❖ Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2015;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành các quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 2848/KH-UBND ngày 27/05/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất năm 2014-2015;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 16/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội v/v thành lập Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất và Nhà máy VIHA thuộc Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất.
- ❖ Căn cứ Quyết định số 7252/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất.

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

2.1 Thông tin cơ bản về tổ chức chào bán và cổ phiếu chào bán

- ❖ Tên tổ chức chào bán : Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất
- ❖ Trụ sở chính : Số 10B phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn

Kiểm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- ❖ **Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa** : 237.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy tỷ đồng chẵn)
- ❖ **Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa:**
 - **Cổ phần nhà nước** : 10.665.000 cổ phần tương đương 106.650.000.000 đồng, chiếm 45% vốn điều lệ công ty cổ phần.
 - **Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động** : 119.200 cổ phần tương đương 1.192.000.000 đồng, chiếm 0,5% vốn điều lệ công ty cổ phần
 - **Cổ phần bán ưu đãi thêm cho người lao động theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa** : 800 cổ phần tương đương 8.000.000 đồng, chiếm 0,003% vốn điều lệ công ty cổ phần
 - **Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược** : 9.879.225 cổ phần tương đương 98.792.250.000 đồng, chiếm 41,69% vốn điều lệ công ty cổ phần
 - **Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài** : 3.035.775 cổ phần tương đương 30.357.750.000 đồng, chiếm 12,81% vốn điều lệ công ty cổ phần
- ❖ **Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/ một cổ phần)
- ❖ **Tổng số lượng cổ phần** : 23.700.000 cổ phần (Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn cổ phần)
- ❖ **Số lượng cổ phần dự kiến chào bán** : 3.035.775 cổ phần (tương đương với 12,81% vốn điều lệ)
- ❖ **Loại cổ phần chào bán** : Cổ phần phổ thông
- ❖ **Hình thức chào bán** : Đấu giá cạnh tranh công khai
- ❖ **Giá khởi điểm** : 10.000 đồng/cổ phần

2.2 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá

2.2.1 Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc

Theo Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.2.2 Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá

- ❖ Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ❖ Thời gian tổ chức đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.2.3 Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.3 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần bán cho người lao động

Cổ phần bán cho CBCNV được thực hiện qua 2 hình thức, cụ thể:

2.3.1 Cổ phần bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong Công ty

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Thống Nhất chào bán ưu đãi cho người lao động theo năm công tác tính đến thời điểm Phê duyệt giá trị doanh nghiệp là 119.200 cổ phần chiếm 0,5% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

2.3.2 Cổ phần CBCNV mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Thống Nhất cho người lao động mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty là 800 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này “được xác định là giá đấu thành công thấp nhất.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

2.4 Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Thống Nhất án cho nhà đầu tư chiến lược là 9.879.225 cổ phần chiếm 41,69% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Theo quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chi đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Thời gian thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sẽ được thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

2.5 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

2.6 Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Tất cả cổ phần của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Đối với cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty, sau khi hết thời gian cam kết sẽ được chuyển thành cổ phần phổ thông.

Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược, theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.


Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1 Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT**
- Tên tiếng Anh : **THONG NHAT COMPANY LIMITED**

- Tên viết tắt : VINA - TNC
- Địa chỉ : Số 10B Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04 - 38.572.699
- Fax : 04 - 38.572.744
- Mã số thuế : 0100100424
- Website : www.thongnhat.com.vn
- Email : tnbike@thongnhat.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100100424 đăng ký lần đầu ngày 02/12/2005, thay đổi lần 3 ngày 19/11/2014.
- Logo 

- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2014: 216.844.199.180 đồng

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất (tiền thân là nhà máy xe đạp Thống Nhất) được thành lập ngày 30/06/1960.
- Tháng 9/1993, Xí nghiệp xe đạp Thống Nhất chuyển thành Công ty Xe máy Xe đạp Thống Nhất theo Quyết định 5563/QĐ-UB ngày 29/9/1993 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Tháng 10/2004, Công ty xe đạp Viha và Công ty Xe đạp xe máy Đồng Đa sáp nhập vào Công ty Xe máy xe đạp Thống Nhất theo Quyết định của UBND Thành phố Hà Nội;
- Tháng 11/2005, Công ty xe máy xe đạp Thống Nhất chuyển thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Thống Nhất theo Quyết định số 162/2005/QĐ-UB ngày 18/10/2005 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Tháng 01/2011, Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Thống Nhất chuyển thành Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất theo Quyết định số 287/QĐ-TN ngày 18/01/2011 của UBND Thành phố Hà Nội, tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho đến nay. Công ty hoạt động theo luật pháp quy định và theo Điều lệ đã được UBND thành phố phê duyệt theo Quyết định 6139/QĐ-UBND ngày 30/12/2011.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
4.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
8.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
9.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
10.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
12.	Sản xuất xe có động cơ	2910
13.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán tơ moóc	2920
14.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
15.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
16.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
18.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Xây dựng nhà các loại	4100
23.	Xây dựng công trình công ích	4220
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
30.	Bán mô tô, xe máy	4541
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình:	4649
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
38.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
41.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất kinh doanh	8299
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty là đơn vị sản xuất xe đạp, phụ tùng xe đạp, sản phẩm nội, ngoại thất và các sản phẩm cơ kim khí khác. Trong đó, sản phẩm chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh các loại xe đạp như xe đạp trẻ em, xe đạp học sinh, xe đạp thể thao, xe đạp điện.

Một số hình ảnh về sản phẩm chính của Công ty:



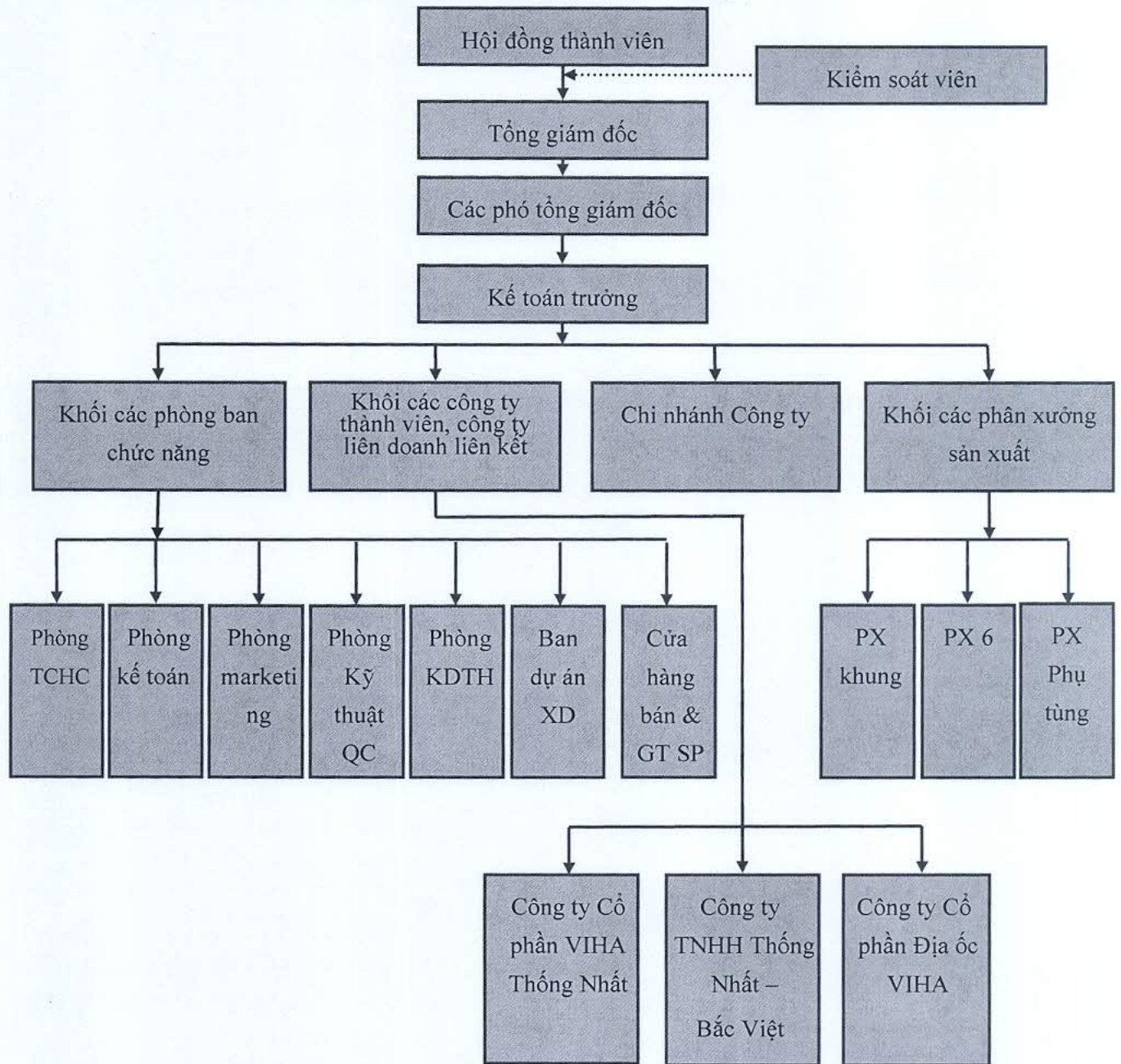
4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa

4.1 Mô hình quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất gồm: Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, các khối phòng, ban, Bộ máy giúp việc và các Phân xưởng sản xuất trực thuộc.

4.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:

Hình 1. Sơ đồ tổ chức hiện tại của Công ty



(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

✚ Bộ máy quản lý của Công ty hiện nay gồm:

- ❖ Hội đồng thành viên;
- ❖ Kiểm soát viên;
- ❖ Ban Tổng Giám đốc;
- ❖ Trưởng các phòng ban, đơn vị;
- ❖ Quản đốc các phân xưởng sản xuất.

✚ Số lượng cán bộ công nhân viên của các phòng ban đơn vị trong Công ty:

✓ Hội đồng thành viên	: 02 người
✓ Kiểm soát viên chuyên trách	: 01 người
✓ Ban Tổng Giám đốc	: 02 người
✓ Phòng TCHC - bảo vệ	: 16 người
✓ Phòng Kỹ thuật QC	: 05 người
✓ Phòng Kinh doanh tổng hợp	: 15 người
✓ Phòng Kế toán	: 03 người
✓ Phòng Marketing	: 07 người
✓ Ban dự án xây dựng	: 01 người
✓ Cửa hàng bán & giới thiệu SP	: 09 người
✓ Phân xưởng Khung	: 16 người
✓ Phân xưởng 6	: 14 người
✓ Phân xưởng Phụ tùng	: 14 người

✚ Công ty Cổ phần Viha – Thống nhất

Nhà máy VIHA là một đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất. Thực hiện nội dung của văn bản số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015. Căn cứ Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hóa nhà máy VIHA thuộc công ty TNHH một thành viên Thống Nhất. Trong năm 2014, Nhà máy VIHA đã tiến hành thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và được UBND thành phố Hà Nội ra quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa. Ngày 26 tháng 8 năm 2015, nhà máy VIHA chính thức hoạt động độc lập dưới hình thức công ty cổ phần.

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 105 người. Theo Quyết định số

7252/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND Tp.Hà Nội về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất, tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là 105 người, không có lao động dôi dư hoặc xin nghỉ, cơ cấu lao động của Công ty trước và sau khi chuyển sang công ty cổ phần không thay đổi. Cụ thể:

Bảng 1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	105	100%
1	Trên đại học và đại học	34	32,4%
2	Cao đẳng, trung cấp	16	15,2%
4	Công nhân	55	52,4%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	105	100%
1	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn	80	76,2%
2	Lao động làm việc theo hợp đồng xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	18	17,1%
3	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng	5	4,8%
4	Công chức viên chức không ký HĐLĐ	2	1,9%
II	Phân theo giới tính	105	100%
1	Nam	67	63,8%
2	Nữ	38	36,2%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa - Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

6. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 7252/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 và Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất, giá trị thực tế tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất cụ thể như sau:

- ❖ Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp
 - ✓ Giá trị sổ sách : 357.027.524.305 đồng
 - ✓ Giá trị xác định lại : 397.899.997.442 đồng

- ✓ Chênh lệch : 40.872.473.137 đồng
- ❖ Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp
 - ✓ Giá trị sổ sách : 195.562.089.143 đồng
 - ✓ Giá trị xác định lại : 236.434.562.280 đồng
 - ✓ Chênh lệch : 40.872.473.137 đồng

Bảng 2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 01/01/2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	357.027.524.305	397.899.997.442	40.872.473.137
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	160.585.583.879	200.355.272.197	39.769.688.318
1. Tài sản cố định	41.570.421.679	55.194.127.161	13.623.705.482
a. Tài sản cố định hữu hình	41.570.421.679	55.194.127.161	13.623.705.482
b. Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm GT QSD đất)	0	0	0
2. Bất động sản đầu tư	0	0	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	118.800.000.000	144.900.000.000	26.100.000.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	215.162.200	261.145.036	45.982.836
7. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
8. Tài sản dài hạn khác	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	196.441.940.426	196.441.940.354	(72)
1. Tiền	2.061.069.394	2.061.069.322	(72)
a. Tiền mặt tồn quỹ	623.435.572	623.435.500	(72)
b. Tiền gửi ngân hàng	1.437.633.822	1.437.633.822	0
c. Tiền đang chuyển	0	0	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
3. Các khoản phải thu	121.588.611.665	121.588.611.665	0
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	40.683.555.062	40.683.555.062	0

Chỉ tiêu	Số liệu	Số liệu	Chênh lệch
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	32.108.704.305	32.108.704.305	0
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	0	1.102.784.891	1.102.784.891
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng	44.783.000.000	44.783.000.000	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	44.783.000.000	44.783.000.000	0
1. Tài sản cố định	0	0	0
2. Chi phí trả trước dài hạn	0	0	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
4. Đầu tư tài chính dài hạn	44.783.000.000	44.783.000.000	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	0	0	0
1. Hàng tồn kho không cần dùng	0	0	0
C. Tài sản tài sản chờ thanh lý	0	0	0
1. Tài sản cố định	0	0	0
2. VTHH tồn kho chờ thanh lý	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)	401.810.524.305	442.682.997.442	40.872.473.137
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	357.027.524.305	397.899.997.442	40.872.473.137
E1. Nợ thực tế phải trả	161.465.435.162	161.465.435.162	0
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	0	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}	195.562.089.143	236.434.562.280	40.872.473.137

(Trích hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2014 để cổ phần hóa – Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất*)

(*) Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Nhà máy VIHA đang thực hiện cổ phần hóa, theo đó giá trị doanh nghiệp của Thống nhất không bao gồm giá trị Nhà máy VIHA.

7. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp

7.1 Tình hình đất đai của Doanh nghiệp

Theo Quyết định số 7252/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất, sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty được tiếp tục quản lý, sử dụng các địa điểm đất như sau:

Bảng 3. Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng

Stt	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
1	Lô A2CN3 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ huyện Từ Liêm	10.000	Nhà máy sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đất 50 năm kể từ 15/5/2008	- Hợp đồng thuê đất số 186-08/HĐTĐTN ngày 22/12/2008. Thời hạn 50 năm kể từ 15/5/2008. - Phụ lục HĐĐĐ số 518/PLHĐĐĐ ngày 4/11/2013. - Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 888851 ngày 24/3/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
2	Số 10B phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	800	Làm trụ sở văn phòng làm việc của Công ty	Thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đất hàng năm.	- Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 31/7/2001 của UBND Tp.Hà Nội. - Hợp đồng thuê đất số 60-2002/ĐCND- HĐTĐTN ngày 29/7/2002.
3	Số 4 ngõ 260 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	454,7	Chờ quy hoạch của thành phố để thực hiện dự án đầu tư	Thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đất hàng năm.	- Quyết định số 892/QĐ-UBND của UBND TP ngày 10/2/2014 về việc cho Công ty thuê đất để sử dụng với công trình hiện tại. - Hợp đồng thuê đất số 352/HĐTĐĐ ngày 27/6/2014. Thời hạn thuê đất hàng năm. - Công văn số 1739/QHKT-P5 ngày 12/6/2013 của Sở QHKT v/v: Hiện nay, Quy hoạch phân khu đô thị H2-1 đang trong quá trình nghiên cứu. Sau khi Quy hoạch này được UBND TP phê duyệt, xác định rõ chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch

Stt	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
					kiến trúc tại khu vực, Sở QHKT sẽ cung cấp đầy đủ thông tin quy hoạch tại khu đất theo quy hoạch.
4 (*)	Số 10 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	329,7	Thực hiện dự án liên doanh với Công ty CP địa ốc Hà Nội và Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Đông Dương	Thuê đất trả tiền hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 4789/CV-UB ngày 06/12/1982 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Nhà nước giao cho đơn vị tự quản không thu tiền sử dụng đất. - Công văn số 6183/UBND – XDCCB ngày 19/8/2014 của UBND Tp.Hà Nội về việc cho phép công ty TNHH một thành viên Thống Nhất và Công ty cổ phần địa ốc Viha là nhà đầu tư thực hiện dự án. - Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án số 02/2005/HĐHT ngày 25/8/2005. - Hợp đồng góp vốn đầu tư và kinh doanh dự án số 10-05/2007/HĐGV ngày 5/10/2007. - Giấy đăng ký kinh doanh số 0103020356 cấp ngày 26/10/2007, cấp thay đổi lần 1 ngày 29/11/2013. - Công văn số 988/UBND – XDGT ngày 9/2/2015 của UBND Tp.Hà Nội về việc cho phép doanh nghiệp là nhà đầu tư thực hiện Dự án Tòa nhà văn phòng, dịch vụ thương mại tại số 10 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội. - Giấy chứng nhận đầu tư số 01121001795 do UBND TP cấp ngày 14/4/2015.
5 (*)	Số 82 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội	17.866,4	Thực hiện dự án liên doanh với Công ty TNHH	Thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thuê đất số 132-24599/ĐC-NĐ-HĐTD ngày 17/7/1999. Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ 1/1/1996.

Stt	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
	Nội		phát triển Bắc Việt	thuê đất 20 năm kể từ 1/1/1996.	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận QSDĐ số 00315-QSDĐ ngày 5/3/2000 - Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/1/2011 của UBND TP về việc phê duyệt phương án hỗ trợ di chuyển địa điểm và góp vốn thành lập Công ty TNHH để thực hiện DA ĐTXD tại 82 Nguyễn Tuân - Hợp đồng thành lập Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt ký ngày 16/5/2011.
6 (*)	Số 198B Tây Sơn, phường Trung Liet, quận Đống Đa, Hà Nội	441	Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Liên doanh đầu tư tài chính Hòa Bình	Thuê đất trả tiền hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3336/QĐ-UB ngày 9/9/1995. Diện tích đất được thuê: 365 m² đất để xây dựng văn phòng giao dịch và cho thuê. - Quyết định số 1209/QĐ-UB ngày 5/4/1996 của UBND Tp.Hà Nội về việc cho Công ty thuê 76m² đất bổ sung vào diện tích xây dựng công trình văn phòng giao dịch và cho thuê - Hợp đồng thuê đất số 27/9/1995/HĐTĐ-TN ngày 27/9/1995. Thời hạn thuê 30 năm từ 9/9/1995. - Hợp đồng thuê đất số 20/5/1996/HĐTĐ-TN ngày 14/5/1996. Thời hạn thuê 30 năm kể từ 5/4/1996. - Hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Liên doanh đầu tư tài chính Hòa Bình.
Tổng cộng		29.891,8			

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

- Các lô đất số 1, số 2, số 3, số 6 được kê ở bảng trên thực hiện theo Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND Tp.Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc ở hữu nhà nước của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- (*) Theo Quyết định số 7252/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất quy định: Công ty TNHH MTV Thống Nhất sau khi cổ phần hóa được phép kế thừa các Hợp đồng đã ký, tiếp tục triển khai dự án theo quy định. Trong thời gian dự án chưa thực hiện, Công ty cổ phần quản lý, sử dụng với hình thức thuê đất trả tiền hàng năm đối với các lô đất số 4, số 5, số 6 được kê ở bảng trên.

- Ngày 25/6/2015, UBND Thành phố Hà Nội ra Quyết định số 2919/QĐ-UBND về việc thu hồi 329,7m² đất tại số 10 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm (Lô đất số 4, được liệt kê tại bảng 3 trên đây) cho Công ty cổ phần địa ốc VIHA thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng dịch vụ thương mại VIHA.

- Ngày 20/11/2015 UBND Thành phố Hà Nội ra Quyết định số 6306/QĐ-UBND về việc thu hồi 17.830 m² đất tại 82 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân (Lô đất số 5 được liệt kê tại bảng 3 trên đây); giao cho Công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp nhà liền kề, trung tâm thương mại và căn hộ.

7.2 Tình hình tài sản cố định chủ yếu của Công ty

Bảng 4. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá theo sổ kế toán	GTCL theo sổ kế toán	GTCL khi xác định lại GTDN
I	Tài sản cố định đang dùng			
1	Tài sản cố định hữu hình	74.469.104.483	41.570.421.679	55.194.127.161
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	36.223.457.729	28.651.022.332	38.331.864.470
b	Máy móc thiết bị	32.258.473.865	8.313.242.789	11.999.612.701
c	Phương tiện vận tải	4.015.423.208	3.174.635.545	3.417.689.545
d	TSCĐ Khác	1.971.749.681	1.431.521.013	1.444.960.445
2	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
II	Tài sản cố định không cần dùng	0	0	0
III	Tài sản cố định chờ thanh lý	0	0	0
IV	Tài sản cố định hình thành từ quỹ KTPL	59.301.000	0	0
	Cộng	74.528.405.483	41.570.421.680	55.194.127.161

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa - Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất*)

(*) Không bao gồm tài sản của nhà máy VIHA do tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp VIHA đang thực hiện cổ phần hóa.

❖ **Nhà cửa, vật kiến trúc:** Bao gồm nhà làm việc và nhà xưởng tại trung tâm thành phố Hà Nội và Cụm công nghiệp Từ Liêm. Trong đó:

- Nhà làm việc số 10 Tràng Thi với nguyên giá là 306.944.000 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, đã được Công ty TNHH MTV Thống Nhất tạm giao cho bên liên doanh là CTCP Địa ốc VIHA vào ngày 30/11/2007. Đến ngày 31/12/2014, do chưa hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc góp vốn bằng tài sản và chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên Công ty chưa ghi giảm tài sản nhà số 10 Tràng Thi trên sổ kế toán. Khi thực hiện cổ phần hóa, tư vấn đã đánh giá lại tài sản, nguyên giá mới: 3.588.934.944 đồng, giá trị còn lại sau khi đánh giá lại: 2.158.227.319 đồng. Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện các thủ tục và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Nhà làm việc 3 tầng tại 198B Tây Sơn, với nguyên giá là 1.725.599.045 đồng, giá trị còn lại là 489.749.844 đồng. Khi thực hiện cổ phần hóa tư vấn đánh giá lại tài sản, nguyên giá mới: 6.444.078.851 đồng, giá trị còn lại sau khi đánh giá lại: 3.752.310.660 đồng, giá trị còn lại tăng so với giá trị còn lại theo sổ sách là 3.262.560.816 đồng. Sau khi có văn bản của Nhà nước về thu hồi đất giao cho Công ty TNHH Liên doanh đầu tư tài chính Hòa Bình thì tài sản trên sẽ được thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định.

❖ **Máy móc thiết bị:** Máy móc của Công ty bao gồm các thiết bị, dây chuyền tại các phân xưởng sản xuất, phục vụ chế tạo linh kiện, lắp ráp, sơn mạ các thành phần cấu tạo của xe đạp.

❖ **Phương tiện vận tải:** Bao gồm xe tải phục vụ chuyên chở nguyên liệu, thành phẩm và xe phục vụ đi lại của quản lý, nhân viên trong Công ty.

❖ **Tài sản cố định khác:** Bao gồm các tài sản không phân loại vào các mục khác như hệ thống cây cảnh, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống ống nước cho máy nhựa...

7.3 Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty

Bảng 5. Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2014

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.061.069.394
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0
3	Các khoản phải thu	121.588.611.665
a	Phải thu khách hàng	44.417.071.222
b	Trả trước cho người bán	737.077.300
c	Phải thu nội bộ ngắn hạn	61.257.572.161
d	Phải thu khác	15.176.890.982
4	Hàng tồn kho	40.683.555.062

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
5	Tài sản ngắn hạn khác	32.108.704.305
	Tổng cộng	196.441.940.426

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 để cổ phần hóa - Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất *)

(*) Không bao gồm tài sản của nhà máy VIHA do tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp VIHA đang thực hiện cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần hạch toán độc lập.

8. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh

8.1 Công ty mẹ

Không có

8.2 Công ty con :

Không có

8.3 Công ty thành viên, công ty liên kết, liên doanh

❖ Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt

Địa chỉ: Số 82 Phố Nguyễn Tuân, P.Thanh Xuân trung, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Điện thoại: 04.6329.0250

Số vốn góp vào công ty liên doanh: 117.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ vốn tại công ty liên doanh: 30%

Công ty TNHH Thống Nhất – Bắc Việt được góp vốn thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất và Công ty TNHH Phát triển Bắc Việt để thực hiện dự án: Tổ hợp nhà liền kề, trung tâm thương mại và căn hộ tại 82 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội

❖ Công ty Cổ phần Địa ốc VIHA

Địa chỉ: Số 10 Phố Tràng Thi, P. Hàng Trống, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội

Điện thoại: 04.2217.9000

Số vốn góp tại công ty liên doanh: 1.800.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ vốn tại công ty liên doanh: 30%

Công ty Cổ phần Địa ốc VIHA là nhà đầu tư thực hiện dự án Tòa nhà văn phòng dịch vụ thương mại VIHA tại số 10 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

❖ Công ty Cổ phần VIHA Thống Nhất

Địa chỉ: Thôn Vực, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Điện thoại: 04.8587.3389

Số vốn sở hữu tại Công ty Thành viên : 26.100.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn sở hữu: 45%

Công ty Cổ phần VIHA Thống Nhất là công ty cổ phần thành lập sau khi cổ phần hóa Nhà máy VIHA thuộc Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

9.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

9.1.1 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm:

Bảng 6. Cơ cấu sản lượng của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Kế hoạch Năm 2015
1	Xe đạp	Chiếc	95.000	100.000	110.000	120.000
2	Nội thất xuất khẩu	Chiếc	1.190.000	1.195.886	1.736.738	0

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất*)

(*): Năm 2012, 2013 và 2014 bao gồm số liệu của nhà máy VIHA nên có sản phẩm về nội thất xuất khẩu. Đến năm 2015, Công ty chỉ còn sản lượng của sản phẩm xe đạp do nhà máy VIHA đang thực hiện cổ phần hóa chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

T	Chỉ tiêu	Năm 2012 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2013 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2014 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2015 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	286.021	100	261.695	100	362.803	100	200.169	100
a	Xe đạp	136.713	47,8	143.119	54,7	181.383	50,0	196.510	98,06
b	Nội thất XK	149.308	52,2	118.576	45,3	181.420	50,0	0	0
c	Doanh thu hoạt động tài chính							3.659	1,94
2	Lợi nhuận gộp	33.158	100	26.814	100	25.397	100	14.071	100
a	Xe đạp	15.849	47,8	14.480	54,0	11.690	46,0	14.071	100

T T	Chi tiêu	Năm 2012 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2013 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2014 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2015 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)
b	Nội thất XK	17.309	52,2	12.334	46,0	12.707	54,0	0	0

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập năm 2015 – Công ty TNHH MTV Thống Nhất)

Từ năm 2014 trở về trước, nhà máy VIHA trực thuộc Công ty, do đó doanh thu và lợi nhuận của Công ty bao gồm cả hoạt động sản xuất đồ nội thất xuất khẩu của nhà máy VIHA. Khi nhà máy VIHA tiến hành cổ phần hóa và tách ra hoạt động độc lập từ năm 2015, khoản doanh thu từ hoạt động sản xuất đồ nội thất xuất khẩu của Thống Nhất không còn mà chỉ còn sản phẩm truyền thống là xe đạp.

Sản phẩm xe đạp – là sản phẩm truyền thống có uy tín lâu năm của Công ty. Doanh thu từ hoạt động sản xuất xe đạp có sự tăng trưởng và chiếm tỷ trọng cao qua các năm (trung bình khoảng 50% trong tổng doanh thu thuần của Công ty), cụ thể: doanh thu thuần năm 2012 đạt 136.713 triệu đồng, năm 2013 tăng 4,69% so với năm 2012, năm 2014 doanh thu tăng đột biến, tăng 26,74% so với năm 2013 đạt 181.383 triệu đồng. Đến năm 2015, doanh thu ước thực hiện là 200.391 triệu đồng, giảm so với năm 2014. Việc giảm tổng doanh thu đến từ việc Nhà máy VIHA tách ra hoạt động độc lập dẫn đến không còn doanh thu từ hoạt động sản xuất nội thất xuất khẩu. Tuy nhiên doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất xe đạp tăng, điều này cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh xe đạp của Công ty đang trong giai đoạn tăng trưởng, sản phẩm xe đạp ngày càng được người tiêu dùng quan tâm và đang trở lại trong đời sống của nhiều thế hệ, góp phần bảo vệ môi trường.

9.1.2 Nguyên vật liệu, và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu và sự biến động giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của Công ty. Do đặc thù ngành của Công ty là sản xuất, lắp ráp các loại xe đạp, do vậy chi phí nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng rất lớn trong giá thành và chất lượng của sản phẩm. Các nguyên vật liệu chính mà Công ty sử dụng trong sản xuất gồm nhôm, thép, cao su, các loại sơn...và phụ liệu khác phục vụ ngành công nghiệp sản xuất xe đạp. Ngoài ra, Công ty còn có nhu cầu nhập các phụ tùng, linh kiện để phục vụ sản xuất. Nguồn nguyên vật liệu và các loại linh kiện phục vụ sản xuất được Công ty nhập từ các nhà cung cấp trong nước, tuy nhiên một số nguyên liệu và chi tiết phụ tùng vẫn phải nhập khẩu từ nước ngoài. Nhìn chung, nguồn cung nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất của Công ty là ổn định, không có biến động lớn do các nhà cung cấp đã làm việc với Công ty qua nhiều năm, có quan hệ tốt và sự tin cậy cao trong giao dịch.

9.1.3 Chi phí sản xuất

Bảng 8. Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Ước thực hiện Năm 2015	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Doanh thu thuần	286.022		261.695		362.803		200.169	
2	Giá vốn hàng bán	252.863	88,41	234.881	89,8	337.405	93,0	182.438	91,1
3	Chi phí tài chính	12.575	4,40	12.250	4,7	10.749	3,0	1.056	0,5
4	Chi phí bán hàng	4.814	1,68	4.199	1,6	5.333	1,5	2.066	1,0
5	Chi phí QLDN	24.337	8,51	18.012	6,9	21.777	6,0	12.441	6,2
	Tổng chi phí	294.589	103	269.342	102,9	375.264	103,4	198.001	98,91

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất các năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập năm 2015)

(*) Số liệu các năm 2012, 2013 và 2014 có bao gồm số liệu của nhà máy VIHA khi đó vẫn trực thuộc Công ty. Đến năm 2015 VIHA chuyển đổi thành công ty cổ phần và tách ra hoạt động độc lập nên số liệu ước thực hiện năm 2015 chỉ còn của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

Do đặc thù là sản xuất xe đạp, chi phí nguyên vật liệu và nhân công sản xuất rất lớn nên Giá vốn hàng bán là chi phí chủ yếu, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty khi tỷ lệ luôn đạt trên 88%. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có xu hướng tăng dần qua các năm 2012, năm 2013, năm 2014 lần lượt là 88,41%, 89,8% và 93%. Nguyên nhân là do chi phí đầu vào tăng cao, tiền thuê đất cũng như các khoản chi phí cho người lao động tăng (chi phí lương, chi phí bảo hiểm...).

Các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính của Công ty giữ mức ổn định và có xu hướng giảm dần qua các năm khi Công ty nỗ lực cải thiện hệ thống quản lý, tiết kiệm chi phí.

9.1.4 Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư từ thập niên 90, phần lớn đã hết khấu hao, một số ít được đầu tư từ năm 2013.

Để sản phẩm xe đạp ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu, Công ty sẽ phải đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại, làm chủ công nghệ sản xuất các loại xe đạp cao cấp, vật liệu siêu nhẹ.

Một số dây chuyền, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

Bảng 9. Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Thiết bị	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị TSCĐ theo sổ kế toán		Tỷ lệ còn lại (%)
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	Dây truyền SX khung phuộc xe đạp	01	2003	3.870.378.287	285.236.740	7,4%
2	Dây truyền sơn bột tĩnh điện	01	2005	4.912.252.058	977.245.390	19,9%
3	Dây truyền tây bóng điện hoá	01	2013	3.117.011.625	2.716.091.652	87,1%
4	Dây truyền SX Ghi đông	01	2013	1.804.100.911	1.572.051.700	87,1%
5	Hệ thống máy nén khí dây truyền sơn	01	2010	1.682.906.000	1.061.628.460	63,1%
6	Dây chuyền sơn nước tĩnh điện	01	2003	3.333.179.309	35.590.872	1,1%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thống Nhất)

9.1.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty đã và đang không ngừng tiến hành nghiên cứu các sản phẩm mới, cải tiến cả về mẫu mã và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đặc biệt, Công ty tập trung phát triển chiến lược các dòng sản phẩm mới, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng như các dòng xe đạp địa hình, xe đạp thể thao với kiểu dáng hiện đại, sử dụng các vật liệu mới ưu việt hơn.

9.1.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

“Uy tín” và “Chất lượng” là phương châm kinh doanh của Công ty. Lấy chất lượng làm hàng đầu, Công ty Thống Nhất cam kết luôn cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thỏa mãn tốt nhất các yêu cầu của khách hàng với khẩu hiệu “Nghĩ đến xe đạp - Nghĩ về Thống Nhất” và phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn của sản phẩm và dịch vụ.

Hiện nay Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008. Các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành. Phòng Kỹ thuật QC thực hiện theo các tiêu chuẩn chất lượng được quy định cụ thể đảm bảo chất lượng các sản phẩm, dịch vụ trước khi cung cấp cho khách hàng.

Nhiều năm liền sản phẩm của Công ty được công nhận là sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố, hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích, sản phẩm Việt Nam tốt nhất, giải thưởng Sao vàng Đất Việt, giải thưởng “Sản phẩm, dịch vụ, thương hiệu Việt tiêu biểu”. Đặc biệt, Công ty vinh dự được Hội đồng bình chọn thương hiệu Quốc gia công nhận và trao tặng danh hiệu Thương hiệu Quốc gia, liên tục các năm 2010, 2012 và 2014.

9.1.7 Hoạt động Marketing

Để đẩy mạnh hình ảnh thương hiệu Thống Nhất trên thị trường, Công ty tiến hành các hoạt động marketing dành cho thương hiệu như:

- Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.
- Tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước.
- Tham gia các chương trình do người tiêu dùng bình chọn như các chương trình: Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích, Sản phẩm Việt nam tốt nhất, Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam, nhiều năm liền đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do báo Sài Gòn Tiếp thị tổ chức và danh hiệu “Thương Hiệu Mạnh Việt Nam” do Thời báo kinh tế Việt Nam tổ chức....
- Quảng cáo trên website công ty.
- Quảng cáo thương hiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông như: Đài truyền hình VTV1, VTV6, VTC, HTV1, HTV2, Báo diễn đàn doanh nghiệp, Báo Lao động, Báo Nhân dân, Báo Hà Nội mới, Báo Kinh tế đô thị, Báo Công nghiệp.....
- Tham gia bán hàng trực tuyến qua website, tư vấn trực tiếp cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến sản phẩm, dịch vụ và chăm sóc khách hàng.
- Tổ chức các chương trình khuyến mãi đối với sản phẩm, dịch vụ của công ty trong các dịp lễ, Tết, khai giảng, phù hợp với đặc thù của công ty hoặc phối kết hợp với các đơn vị khác.
- Tích cực tham gia các công tác xã hội - từ thiện như: Tặng xe cho học sinh nghèo vượt khó, tặng xe lăn cho người khuyết tật; Tài trợ cho chương trình “Vàng trắng cho em” bằng xe đạp tặng cho các em học sinh nghèo học giỏi; Tham gia chương trình diễu hành đi bộ “Tự hào Thương hiệu Việt” do Bộ Công thương tổ chức; Tham gia diễu hành đoàn của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam kỷ niệm 70 năm ngày Cách mạng Tháng tám và Quốc khánh 2/9/2015; Tham gia chương trình đi xe đạp trên một số tuyến phố chính của Hà Nội do Bộ Ngoại giao tổ chức ... và các chương trình quảng bá của Sở Công thương Hà Nội trong các chương trình truyền thông ưu tiên cho sản phẩm chủ lực của Thành phố, chương trình đưa hàng Việt đến người tiêu dùng ... đã làm cho sản phẩm xe đạp của công ty được quảng bá rộng rãi mọi nơi, mọi lúc.

9.1.8 Nhân hiệu thương mại

Nhãn hiệu của Công ty được đăng ký nhãn hiệu độc quyền trong lĩnh vực xe đạp tại Cục Sở hữu trí tuệ theo đơn đăng kí nộp ngày 15/02/2007 và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận bảo hộ độc quyền căn cứ Giấy chứng nhận đăng kí nhãn hiệu số 104691 và

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 104692 về việc bảo hộ tổng thể tổng thể nhãn hiệu bao gồm logo và tên Công ty cách điệu.

Logo độc quyền của Công ty



9.1.9 Các hợp đồng lớn

Bảng 10. Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết tính đến thời điểm 20/03/2016

STT	Đối tác	Sản phẩm cung cấp	Sản lượng cung cấp	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời hạn
1	CTy CP xi măng Bút Sơn	Xe đạp	1200	1.992	T7/2015
2	NHTM CP đầu tư PT VN	Xe đạp	2304	6.174	T9/2015
3	TCT dầu Việt Nam	Xe đạp	300	849	T11/2015
4	Cty TNHH xe đạp Phi Hùng	Xe đạp	2270	5.675	T3/2016
5	Bộ tham mưu – BTL thông tin Liên lạc	Xe đạp	250	460,5	T7/2015
6	Tinh đoàn Ninh Thuận	Xe đạp	100	170	T1/2016

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

9.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng 11. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	316.210	325.793	491.064	510.589
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	153.482	150.481	294.996	281.174
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu đồng	92.290	93.283	237.288	244.092
4	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	149.949	164.974	187.458	222.532
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
5	Nợ dài hạn	Triệu đồng	12.574	10.337	8.610	6.882
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	<i>hạn</i>					
6	Nợ phải thu	Triệu đồng	74.945	86.820	95.606	104.678
7	- Trong đó Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	0	0	0	0
8	Tổng số lao động	Người	350	390	415	180
9	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	19.188	23.160	27.415	7.661
10	Tiền lương BQ trđ/người/tháng	Triệu đồng	4,5	4,9	5,5	6
11	Tổng doanh thu	Triệu đồng	298.442	273.874	380.768	200.169
12	Tổng chi phí	Triệu đồng	295.052	269.760	378.915	198.001
13	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.390	4.114	1.853	2.253
14	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.390	4.114	1.542	1.757
15	Tỷ suất LNST/vốn CSH	%	3,67%	4,41%	0,65%	0,72%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất các năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập năm 2015)

(Số liệu từ năm 2014 trở về trước có bao gồm cả số liệu của nhà máy VIHA).

Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại 31/12/2014

Bảng 12. Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

	CHỈ TIÊU	SỐ SỔ SÁCH	SỐ SỔ SÁCH SAU ĐIỀU CHỈNH CỦA TƯ VẤN*	SỐ ĐÁNH GIÁ LẠI	CHÉNH LỆCH
	TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	196.441.940.426	196.441.940.426	196.441.940.354	(72)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.061.069.394	2.061.069.394	2.061.069.322	(72)
1	Tiền	2.061.069.394	2.061.069.394	2.061.069.322	(72)
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	121.588.611.665	121.588.611.665	121.588.611.665	-
I	Phải thu của khách hàng				

CHỈ TIÊU		SỐ SỔ SÁCH	SỐ SỔ SÁCH SAU ĐIỀU CHỈNH CỦA TƯ VẤN*	SỐ ĐÁNH GIÁ LẠI	CHÊNH LỆCH
		44.417.071.222	44.417.071.222	44.417.071.222	-
2	Trả trước cho người bán	737.077.300	737.077.300	737.077.300	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	61.257.572.161	61.257.572.161	61.257.572.161	-
5	Các khoản phải thu khác	15.176.890.982	15.176.890.982	15.176.890.982	-
IV	Hàng tồn kho	40.683.555.062	40.683.555.062	40.683.555.062	0
1	Hàng tồn kho	40.683.555.062	40.683.555.062	40.683.555.062	0
V	Tài sản ngắn hạn khác	32.108.704.305	32.108.704.305	32.108.704.305	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	3.703.324.728	3.703.324.728	3.703.324.728	-
3	Thuế và các khoản khác phải thu từ Nhà nước	28.049.391.982	28.049.391.982	28.049.391.982	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	355.987.595	355.987.595	355.987.595	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	205.368.583.879	205.368.583.879	246.241.057.088	40.872.473.209
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	41.570.421.679	41.570.421.679	55.194.127.161	13.623.705.482
1	Tài sản cố định hữu hình	41.570.421.679	41.570.421.679	55.194.127.161	13.623.705.482
	- Nguyên giá	74.528.405.483	74.528.405.483	88.070.543.665	13.542.138.182
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(32.957.983.804)	(32.957.983.804)	(32.876.416.504)	81.567.300
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	163.583.000.000	163.583.000.000	189.683.000.000	26.100.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	118.800.000.000	118.800.000.000	144.900.000.000	26.100.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	44.783.000.000	44.783.000.000	44.783.000.000	-
V	Tài sản dài hạn khác	215.162.200	215.162.200	1.363.929.927	1.148.767.727
1	Chi phí trả trước dài hạn	215.162.200	215.162.200	1.363.929.927	1.148.767.727
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	401.810.524.305			

CHỈ TIÊU		SỐ SỔ SÁCH	SỐ SỔ SÁCH SAU ĐIỀU CHỈNH CỦA TƯ VẤN*	SỐ ĐÁNH GIÁ LẠI	CHÊNH LỆCH
			401.810.524.305	442.682.997.442	40.872.473.137
	NGUỒN VỐN				
A	NỢ PHẢI TRẢ	163.265.435.162	161.465.435.162	161.465.435.162	0
I	Nợ ngắn hạn	154.655.876.598	152.855.876.598	152.855.876.598	0
1	Vay và nợ ngắn hạn	130.544.852.905	130.544.852.905	130.544.852.905	-
2	Phải trả người bán	2.960.853.826	2.960.853.826	2.960.853.826	0
3	Người mua trả tiền trước	6.600.999	6.600.999	6.600.999	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	-	-
5	Phải trả người lao động	514.080.719	514.080.719	514.080.719	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.007.899.939	5.207.899.939	5.207.899.939	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.621.588.210	13.621.588.210	13.621.588.210	-
II	Nợ dài hạn	8.609.558.564	8.609.558.564	8.609.558.564	-
4	Vay và nợ dài hạn	8.609.558.564	8.609.558.564	8.609.558.564	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	238.545.089.143	240.345.089.143	281.217.562.280	40.872.473.137
I	Vốn chủ sở hữu	238.545.089.143	240.345.089.143	281.217.562.280	40.872.473.137
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	216.844.199.180	218.644.199.180	218.644.199.180	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	40.872.473.137	40.872.473.137
7	Quỹ đầu tư phát triển	6.584.430.943	6.584.430.943	6.584.430.943	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	189.790.427	189.790.427	189.790.427	-
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	14.926.668.593	14.926.668.593	14.926.668.593	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		401.810.524.305	401.810.524.305	442.682.997.442	40.872.473.137

(Nguồn: Trích Biên bản xác định GTDN của Công ty tại thời điểm 31/12/2014**)

(**) Số liệu sau điều chỉnh của tư vấn là số liệu được Tổ chức thẩm định giá kiến nghị điều chỉnh trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 cho phù hợp với quy định. (Chuyển 1.800.000.000 từ mục nợ phải trả sang mục nguồn vốn, tổng nguồn vốn không đổi).

(*)Do tại thời điểm này nhà máy VIHA đang thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần nên số liệu không bao gồm số liệu của nhà máy VIHA.

Tình hình vay nợ của Công ty qua các năm

Bảng 13. Chi tiết các khoản nợ vay

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
I	Vay ngắn hạn	60.241	103.777	132.272	3.083
1	Vay ngân hàng(**)	60.241	93.235	130.545	3.083
2	Vay đối tượng khác	0	10.543	0	0
3	Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	1.727	0
II	Vay dài hạn	12.574	10.337	6.882	6.882
1	Vay ngân hàng(***)	12.574	10.337	6.882	6.882
2	Vay đối tượng khác	0	0	0	0
	Tổng cộng	72.815	114.114	139.154	9.965

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và Báo cáo tài chính tự lập năm 2015 của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất*)

(*)Số liệu các năm 2012, 2013, 2014 bao gồm số liệu của Nhà máy VIHA do tại các thời điểm đó VIHA chưa tách ra khỏi Công ty để chuyển đổi thành công ty cổ phần. Số liệu ước năm 2015 không bao gồm số liệu của VIHA.

(**) Tính đến 31/12/2015 số dư nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng là 3.083 triệu đồng, chi tiết như sau:

STT	Ngân hàng	Số tiền (Triệu đồng)
1	Ngân hàng TMCP Công thương-Chi nhánh Đống Đa	3.083
	Tổng	3.083

(***) Tính đến 31/12/2015 số dư nợ vay dài hạn tại các ngân hàng là 6.882 triệu đồng, chi tiết như sau:

STT	Ngân hàng	Số tiền(Triệu đồng)
1	Ngân hàng TMCP Công thương-Chi nhánh Đống Đa	6.882

Tổng	6.882
-------------	-------

Công ty sử dụng tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà xưởng SX tại khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ huyện Bắc Từ Liêm để thế chấp khoản vay ngắn hạn và khoản vay dài hạn tại Ngân hàng.

9.3 Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

9.3.1 Thuận lợi

Thống Nhất là một thương hiệu truyền thống, trải qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã xây dựng được vị thế trên thị trường, được người tiêu dùng tin cậy và yêu mến. Sản phẩm của Thống Nhất luôn là biểu trưng cho chất lượng tốt, mẫu mã đẹp và sự an toàn hiệu quả khi sử dụng. Với lợi thế sẵn có về thương hiệu, nếu biết tận dụng tốt sẽ là một lợi thế cạnh tranh không hề nhỏ trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Được sự chỉ đạo sát sao và sự giúp đỡ nhiệt tình của UBND và các Sở, Ban, Ngành tại thành phố Hà Nội, Công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ kinh tế xã hội được giao, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, hoạt động đúng pháp luật, hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước. Đây là một lợi thế to lớn mà không phải Công ty nào cũng có.

Hội đồng thành viên, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của đơn vị, kịp thời chỉ đạo và đề ra các chủ chương, chính sách, cũng như tháo gỡ các khó khăn, đáp ứng tốt các điều kiện cơ sở vật chất cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc đề ra phương hướng đúng đắn cùng với sự tâm huyết của Ban điều hành Công ty là tiền đề vững chắc để Công ty phát triển ngày càng lớn mạnh.

9.3.2 Khó khăn

Là một trong những doanh nghiệp của Việt Nam có truyền thống thương hiệu hơn 50 năm, xe đạp Thống Nhất đã trải qua nhiều khó khăn khi xe đạp không còn được coi là một tài sản có giá trị, thị phần ngày càng giảm sút. Mặc dù vẫn là cái tên nổi trong làng xe đạp nhưng so với hàng ngoại thì vẫn có khoảng cách lớn.

Ở giai đoạn những năm 60-70, xe đạp được coi là tài sản, là phương tiện đi lại duy nhất của đại đa số người dân. Thời đó, tên Xe đạp Thống Nhất là niềm mơ ước của nhiều người, thậm chí còn là niềm tự hào của người dân Việt Nam khi xuất khẩu sang các nước.

Tuy nhiên, mặc dù là một trong những đơn vị có thương hiệu lâu đời song tới nay, xe đạp Thống Nhất không có nhiều lợi thế tại thị trường Việt Nam. Tâm lý người tiêu dùng sinh ngoại chính là lý do khiến các nhà sản xuất trong nước khó có thể cạnh tranh, một sản phẩm xe trong nước để tên tiếng Việt ít khi được người mua quan tâm, chính vì thế nhà sản xuất phải đặt tên bằng tiếng nước ngoài. Cùng với đó, hiện tượng hàng giả, hàng nhái tràn lan trên thị trường mà không được kiểm soát cũng là một thách thức trong việc giữ được uy tín sản phẩm.

Hiện tại, trên thị trường Việt Nam, xe đạp, xe đạp điện xuất xứ từ Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan chiếm tới 50% thị phần, với kiểu dáng, màu sắc đa dạng. Các thương hiệu xe đạp như Giant, Merida, Wiel, Peugeot, Missile, HK Bike, Newway,

Momentum,... cũng bắt đầu có mặt tại thị trường Việt Nam. Ở phân khúc người có thu nhập cao, hiện có một chơi xe với các dòng cao cấp, nhập khẩu nguyên chiếc từ Mỹ (Trek), Pháp (Specialized S), Đức (Mercedes Benz), Nhật Bản, Đài Loan (Giant, Merida, Momentum),... Thương hiệu xe đạp nổi tiếng Peugeot cũng chính thức có mặt tại Việt Nam. Theo đánh giá của các chuyên gia trong ngành, trong thời gian tới sẽ có thêm nhiều thương hiệu xe đạp nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam, thậm chí, sẽ có một vài dự án lớn đầu tư xây dựng thương hiệu - mạng lưới phân phối khắp các tỉnh thành Việt Nam. Xe đạp ngoại nhập mẫu mã đẹp, phần lớn là dòng xe thể thao được người mua ưu chuộng, về giá thành có những xe lên tới hàng trăm triệu đồng. Không chỉ vậy, các hãng sản xuất cũng chiếm lĩnh thị trường bằng việc tung ra thị trường các sản phẩm linh kiện, phụ kiện thay thế, đồ chơi xe đạp; các thiết bị đi kèm khác như đèn, đồng hồ đo nhịp tim/tốc độ, mũ bảo hiểm, găng tay, hộp đồ chuyên dụng với mức giá lên tới hàng triệu đồng/sản phẩm.

Ngoài ra, việc tiền thuê đất hàng năm tăng cao, giá cả vật tư, nguyên vật liệu đầu vào tăng, biến động liên tục cùng việc điều chỉnh tăng lương kéo theo chi phí sản xuất tăng cũng là khó khăn lớn trong quá trình hoạt động của Công ty.

Chính vì những nguyên nhân trên, Công ty Thống Nhất đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức, đòi hỏi cần có sự đổi mới, phấn đấu không ngừng của đội ngũ quản lý, cán bộ nhân viên. Đồng thời cần những cơn gió mới khi định hướng thay đổi cơ cấu Công ty khi thực hiện cổ phần hóa, mục tiêu nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường khốc liệt.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1 Vị thế Công ty trong ngành

Thương hiệu Thống Nhất có mặt từ năm 1960, trong suốt hơn 50 năm qua, toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu không ngừng đưa Thống Nhất trở thành nhà sản xuất xe đạp và phụ tùng xe đạp hàng đầu Việt Nam. Thống Nhất giờ đây không chỉ là một thương hiệu đơn thuần mà còn là cam kết đảm bảo cung cấp cho khách hàng các loại hàng hóa và dịch vụ với chất lượng tốt nhất thỏa mãn niềm đam mê. “Nghĩ đến xe đạp, nghĩ về Thống Nhất” đã trở nên thân thuộc ăn sâu vào tâm trí người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Vị thế của Công ty trong ngành sản xuất xe đạp và phụ tùng được xác định luôn đứng ở hàng đầu thị trường Việt Nam cả về chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Cùng với lợi thế về thương hiệu truyền thống, việc luôn tích cực nghiên cứu nâng cao chất lượng, mẫu mã chủng loại sản phẩm đã và đang giúp Công ty củng cố, khẳng định và phát triển thương hiệu Thống Nhất ngày càng vững mạnh. Tuy nhiên, với tình hình cạnh tranh gay gắt của các thương hiệu xe đạp nổi tiếng đến từ nước ngoài, Công ty cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc giữ được thị phần trên thị trường xe đạp.

10.2 Triển vọng phát triển của ngành

Trong lúc ô tô, mô tô, xe máy đang tràn ngập phố phường thủ đô và nhiều thành phố khác trong cả nước, gây nên cảnh ùn tắc, ồn ào, ngột ngạt và ô nhiễm môi trường thì chiếc xe đạp, xe đạp điện gọn nhẹ và không kém phần hiện đại, tinh xảo lại đang trở lại trong đời sống của nhiều thế hệ: xe đạp làm phương tiện đi làm, đi học, làm phương tiện thể dục thể thao, dạo chơi du lịch ... vừa tiết kiệm, vừa tăng cường sức khỏe lại góp phần bảo vệ môi trường. Nhu cầu sử dụng xe đạp đang có xu hướng tăng cao trong bộ phận người dân các

tầng lớp từ học sinh sinh viên đến người đã đi làm, từ thế hệ trẻ đến thế hệ người trung niên, người cao tuổi. Đặc biệt là các thế hệ xe đạp mới với cấu tạo bằng các chất liệu công nghệ cao, siêu bền, siêu nhẹ, có tích hợp các ứng dụng công nghệ mới với các chức năng hiện đại, có khả năng ứng dụng trong cuộc sống như đi học, đi làm, du lịch dã ngoại. Như vậy, tiềm năng của thị trường là rất lớn, nếu biết cách khai thác, đây là điều kiện vô cùng thuận lợi để các doanh nghiệp sản xuất xe đạp và phụ tùng xe đạp phát triển với tốc độ nhanh chóng, đặc biệt là với các doanh nghiệp đã tạo dựng được thương hiệu truyền thống uy tín trên thị trường như Thống Nhất.

10.3 Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty đã đề ra hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành. Với những lợi thế phát triển riêng, với đường lối lãnh đạo đúng đắn và những nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ công nhân viên, định hướng phát triển của Công ty cho các năm tới là hoàn toàn phù hợp.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC SAU CỔ PHẦN HÓA CỦA CÔNG TY

1. Thông tin chung về công ty cổ phần

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**
- Tên tiếng Anh : **THONG NHAT HA NOI JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **THONG NHAT.,JSC**
- Địa chỉ : **Số 10B Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**
- Điện thoại : **04 - 38.572.699**
- Fax : **04 - 38.572.744**
- Vốn điều lệ : **237.000.000.000 đồng**

2. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

2.1 Mục tiêu, định hướng phát triển sau cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu, định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển

quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai;

- Huy động vốn nhân rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để có điều kiện đầu tư phát triển, mở rộng hoạt động SXKD nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: “Duy trì sản xuất kinh doanh + Phát triển bền vững + Tăng thu nhập”;
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp - đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; Tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; Bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; Góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.
- Sau cổ phần hóa, phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao, thu nhập của người lao động ngày càng nâng cao, đóng góp nhiều hơn cho Ngân sách Nhà nước.

2.2 Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty vẫn tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề kinh doanh truyền thống, theo đó ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
4.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
8.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
9.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
10.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814

STT	Tên ngành	Mã ngành
12.	Sản xuất xe có động cơ	2910
13.	Sản xuất thân xe có động cơ, rô moóc và bán tơ moóc	2920
14.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
15.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
16.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
18.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Xây dựng nhà các loại	4100
23.	Xây dựng công trình công ích	4220
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
30.	Bán mô tô, xe máy	4541
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình:	4649
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
38.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
41.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất kinh doanh	8299
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610

2.3 Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa

❖ Vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa nhằm đạt được mục tiêu đã định, vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ công ty cổ phần : 237.000.000.000 đồng

- Số lượng cổ phần : 23.700.000 cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phiếu

❖ *Cơ cấu vốn điều lệ*

Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần như sau:

Bảng 14. Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	10.665.000	106.650.000.000	45
2	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo năm công tác	119.200	1.192.000.000	0,5
3	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài	800	8.000.000	0,003
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	3.035.775	30.357.750.000	12,81
5	Cổ phần bán cho cổ đông chiến lược	9.879.225	98.792.250.000	41,69
	Cộng	23.700.000	237.000.000.000	100

(Nguồn: Trích Phương án sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

2.4 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

Bảng 15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty 3 năm sau cổ phần hóa

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu	Triệu đồng	275.000	316.250	363.680
	<i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%	110	115	115
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	268.900	307.050	351.480
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	3.500	4.000	4.500

4	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	6.100	9.200	12.200
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.758	7.176	9.516
6	Tỷ lệ cổ tức	% năm	2	3	4
7	Lao động bình quân	Người	200	225	265
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	6,8	7,5	8,2

(Nguồn: Trích Phương án SXKD – Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

2.5 Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch:

Sau cổ phần hóa, Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm như:

- Tiếp tục chú trọng và phát triển sản xuất xe đạp, phụ tùng, sản phẩm cơ kim khí khác.
- Nhanh chóng hoàn thiện công nghệ sản xuất các mặt hàng phục vụ xuất khẩu như: xe đạp, bàn ghế, đồ nội thất.
- Thực hiện các dự án thực hiện tại các khu đất công ty được giao quản lý, sử dụng theo đúng quy định để tăng doanh thu, nộp ngân sách nhà nước...
- Phát triển thêm các sản phẩm khác.
- Đồng thời tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, triển khai thêm một số phòng ban, trung tâm dịch vụ, sắp xếp bố trí lao động hợp lý đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Trên cơ sở đó, Công ty đã đưa ra các giải pháp cụ thể như sau:

❖ **Về tổ chức quản lý**

- Nhanh chóng sắp xếp, tổ chức lại sản xuất kinh doanh, cải tiến nguyên tắc quản trị doanh nghiệp theo hướng quản trị hiện đại thông qua việc thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý doanh nghiệp. Thực hiện việc ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin vào công tác quản lý doanh nghiệp.
- Hoàn thiện quy chế, quy định quản lý doanh nghiệp, tiếp tục duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của khách hàng quốc tế đảm bảo đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng về chất lượng, số lượng và thời gian, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo môi trường lao động tốt và an toàn nhất cho người lao động.

❖ **Về công tác xây dựng và phát triển thương hiệu**

Công ty tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu “Thống Nhất” bằng việc tăng cường công tác quảng bá, quảng cáo thương hiệu. Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí cho công tác quảng cáo, quảng bá sản phẩm, đăng ký chất lượng, nhãn mác, bảo hộ độc quyền về nhãn mác, logo của Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

❖ Về công tác nhân sự

- Quan tâm chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ hàng năm, mạnh dạn sử dụng cán bộ trẻ vào công tác quản lý, bồi dưỡng thêm nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác kế hoạch kỹ thuật. Nâng cao tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất để nhanh chóng nắm bắt phương pháp, sử dụng máy móc, thiết bị theo đúng quy trình, quy phạm đảm bảo an toàn tuyệt đối trong lao động sản xuất và công tác. Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào thực tế sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Tiếp tục xác định con người là nhân tố chính tạo nên sự thành công của doanh nghiệp. Công ty sau cổ phần hóa tiếp tục thực hiện điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại theo hướng chuyên môn hoá, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và mô hình quản lý của Công ty cổ phần.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu quả làm việc, năng lực CBCNV, sắp xếp và bố trí hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

❖ Về quản lý sản xuất và kinh doanh

- Đẩy mạnh hơn nữa việc đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực hiện có để sản xuất được các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, đầu tư thêm một số dây chuyền máy móc, thiết bị hiện đại, đảm bảo ổn định các hợp đồng, đơn đặt hàng trong nhiều năm.
- Tiếp tục đầu tư, xây dựng nhà xưởng, mở rộng cơ sở sản xuất, mở thêm các đại lý, trung tâm dịch vụ, chủ động khai thác, mở rộng lĩnh vực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển thị trường nội địa, phát triển thương mại, từng bước thay đổi cơ cấu sản xuất thương mại theo hướng phát triển thương mại để tăng nhanh doanh thu và lợi nhuận của Công ty Cổ phần.
- Tập trung mọi nguồn lực hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Xây dựng kế hoạch chi tiết ngay từ ngày đầu, quý đầu của năm tài chính để đảm bảo sản xuất kinh doanh được thông suốt, ổn định doanh thu, việc làm cho người lao động... Tăng cường phối kết hợp với các phòng, ban, đơn vị trong Công ty để thực hiện triển khai sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao nhất.
- Chuẩn bị đầy đủ các yếu tố về môi trường, nguồn lực, nhân sự, phương tiện, trang thiết bị máy móc, nguyên, nhiên vật liệu sản xuất để chủ động sản xuất, tăng doanh thu và nộp ngân sách nhà nước đúng quy định.
- Tiếp tục hoàn thiện, điều chỉnh hệ thống định mức, xây dựng đơn giá phù hợp với tình hình thực tế, hướng đến mục tiêu cạnh tranh trong lao động trong sản xuất. Kích thích việc nâng cao chất lượng, tiến độ, hiệu quả trong lao động.
- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện: Công tác chăm sóc bảo quản thiết bị, phương tiện được chú trọng thường xuyên, vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí sửa chữa.

❖ Về công tác thị trường

- Công ty sẽ mở rộng thị trường bằng cách đa dạng hóa các sản phẩm hiện có, liên doanh, liên kết thêm với các đối tác, bạn hàng để mở rộng sản xuất kinh doanh thương mại đồ

cơ kim khí, nội thất, xe đạp, xe đạp điện và các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của khách hàng...

- Mở thêm chi nhánh hoặc văn phòng đại diện trong nước hay ngoài nước để quảng bá thương hiệu, sản phẩm của Công ty, chủ động trong việc tìm kiếm nguồn hàng, sản phẩm... để nghiên cứu, sản xuất hay kinh doanh góp phần tăng doanh thu, nâng cao mức sống người lao động và tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp.
- Mở rộng kênh phân phối để cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài khu vực.

❖ **Về công tác tài chính**

Chủ động cân đối đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư, tiền vốn, thực hiện giảm chi phí và phát triển vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tạo mối quan hệ tín dụng tốt đối với các tổ chức tín dụng, khai thác vốn có hiệu quả từ các tổ chức tín dụng, bạn hàng phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Quản lý nguồn vốn có hiệu quả, không để nợ xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Về hoạt động đầu tư**

Để thực hiện được kế hoạch kinh doanh đề ra, Công ty cổ phần dự kiến sẽ thực hiện kế hoạch đầu tư trong năm 2015 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
1	Nhà văn phòng 3 tầng, diện tích 600 m2 tại Cụm CN tập trung vừa và nhỏ quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Tỷ đồng	11
2	Máy móc, thiết bị	Tỷ đồng	2
	Tổng	Tỷ đồng	13

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thống Nhất)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa

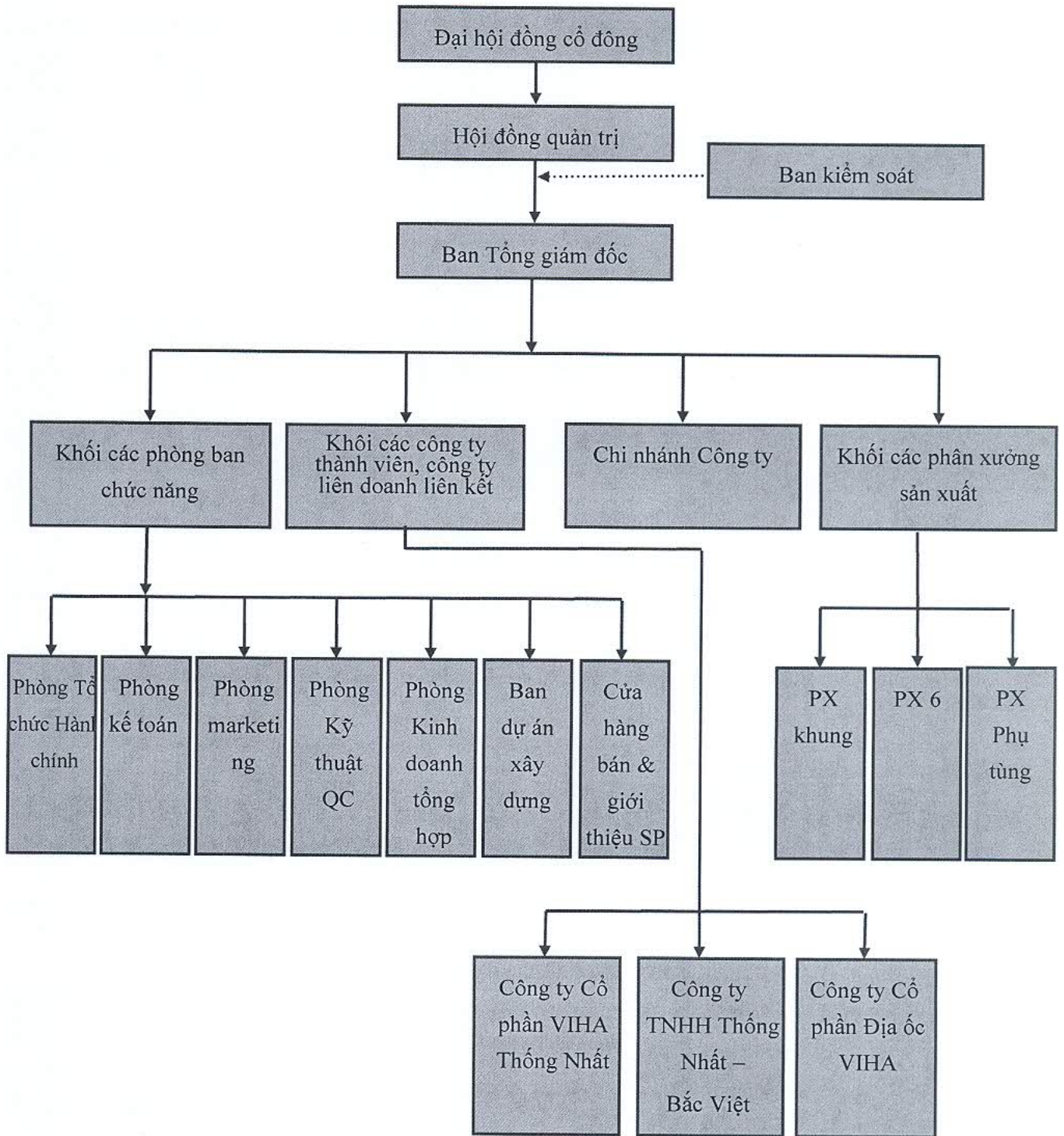
3.1 Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa

Công ty dự kiến cơ cấu tổ chức nhân sự sau cổ phần hóa như sau:

- Hội đồng quản trị : 5 người
- Ban kiểm soát : 3 người
- Ban Tổng giám đốc : 4 người
- Các phòng ban chức năng
- Các phân xưởng sản xuất
- Chi nhánh Công ty
- Khối các công ty liên doanh liên kết

3.2 Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa

Hình 2. Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa



(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HDQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- ✓ Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- ✓ Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT;
- ✓ Yêu cầu HDQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- ✓ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm có một Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật và các Phó Giám đốc giúp việc, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HDQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của Giám đốc và Phó Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

❖ **Các phòng ban**

Các phòng ban của Công ty có chức năng cụ thể được quy định trong các quy chế nội bộ của Công ty, cụ thể như sau:

✓ **Phòng Tổ chức Hành chính:**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty về công tác tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương, các chế độ liên quan đến người lao động, triển khai các biện pháp quản lý, phát triển nguồn nhân lực, công tác tổ chức cán bộ; công tác đào tạo, tuyển dụng lao động, nâng bậc lương cho CBCNV; xây dựng, ban hành và theo dõi việc thực hiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ, thỏa ước lao động tập thể; triển khai thực hiện công tác thi đua

khen thưởng; quản lý các hoạt động hành chính văn phòng của công ty; đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong công ty.

✓ **Phòng Kế toán:**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về chế độ kế toán, thống kê, quản lý nguồn vốn, hạch toán kinh tế, quản lý tài sản, kiểm toán nội bộ, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động tài chính của công ty; thanh quyết toán 3 chế độ cho người lao động; theo dõi kiểm soát tình hình công nợ; đảm bảo thu nộp NSNN và các thủ tục hoàn thuế; làm việc với cơ quan thuế, thanh tra thuế, kiểm toán về các công việc liên quan đến công tác tài chính, kế toán.

✓ **Phòng Marketing:**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty về xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, chiến lược Marketing, bán hàng, giới thiệu các sản phẩm của công ty; nghiên cứu nhu cầu của thị trường và định hướng phát triển các sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường; phân khúc thị trường, xác định mục tiêu phát triển thương hiệu; phối hợp với các phòng ban chức năng trong các hoạt động xúc tiến bán hàng, quản lý và quảng bá thương hiệu, tham gia giải quyết các khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm.

✓ **Phòng Kỹ thuật QC:**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực quản lý công tác kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, kế hoạch bảo dưỡng, kiểm tra an toàn bảo hộ lao động, máy móc thiết bị, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển sản xuất, phát triển sản phẩm mới hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất của công ty; ban hành và giám sát các quy trình công nghệ, quy trình an toàn vệ sinh lao động, tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng sản phẩm, kết hợp với các cơ quan chức năng công bố chất lượng sản phẩm của công ty sản xuất ra; quản lý chất lượng sản phẩm đầu vào và quản lý định mức vật tư.

✓ **Phòng Kinh doanh tổng hợp:**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, ký kết các hợp đồng kinh tế mua, bán vật tư, sản phẩm và theo dõi việc thực hiện các hợp đồng, đơn hàng; quản lý quản lý doanh thu, công nợ khách hàng; phối hợp với phòng Marketing trong công tác quảng cáo, tiếp thị, kế hoạch bán hàng và chăm sóc khách hàng; tìm hiểu nguồn hàng, phát triển các mẫu sản phẩm mới; giao dịch với khách hàng, phân tích thị trường, tìm hiểu khách hàng, mở rộng thị trường theo định hướng chiến lược của công ty; đảm bảo cung cấp vật tư nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng đầu vào đảm bảo chất lượng đáp ứng kịp thời hoạt động sản xuất; phối hợp với các bộ phận liên quan, tính giá thành sản phẩm.

✓ **Ban dự án:**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty trong hoạt động thực hiện các dự án đầu tư xây dựng do công ty làm chủ đầu tư như cấp phép xây dựng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, thiết kế, dự toán, đấu thầu, mời thầu, lựa chọn nhà thầu...; các thủ tục về đất đai, hợp đồng thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế đất, miễn giảm tiền thuê đất, đòi và thu hồi đất; theo dõi việc thực hiện các hợp đồng xây dựng, quản lý thi công, giám sát (hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn giám sát) thi công xây dựng đảm bảo các quy

định của pháp luật và chất lượng thi công; quản lý chi phí đầu tư xây dựng, kiểm tra quyết toán và thanh lý hợp đồng.

✓ **Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm:**

Thực hiện công tác bán hàng, giới thiệu các sản phẩm của công ty; xây dựng kế hoạch bán hàng theo định hướng của công ty; thực hiện đúng chính sách bán hàng, bán hàng theo đúng giá quy định; tìm hiểu, nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh, phát triển, mở rộng thị trường và khách hàng; nắm bắt và phản hồi thông tin, tìm hiểu về mức độ hài lòng của khách hàng về sản phẩm; tư vấn cho khách hàng và làm các thủ tục bảo hành sản phẩm; tham mưu, đề xuất phương hướng bán hàng đối với từng loại sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường trong từng giai đoạn.

❖ **Các phân xưởng sản xuất**

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất được Công ty giao, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản lượng. Đảm bảo chất lượng sản phẩm xuất xưởng đúng theo các quy chuẩn đề ra.

❖ **Chi nhánh Công ty**

Thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

Đại diện cho Công ty tại khu vực phía Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Công ty theo đúng các ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thực hiện chức năng đầu mối giới thiệu, xây dựng và quản lý hệ thống phân phối các sản phẩm của công ty tại khu vực phía Nam.

- Thực hiện nhiệm vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, quảng bá và phát triển thương hiệu Thống Nhất tại khu vực phía Nam.

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Công ty yêu cầu.

2.2 Cơ cấu nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa

Kế hoạch nhân sự của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa

Bảng 16. Kế hoạch nhân sự trong giai đoạn 2016 – 2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
I	Cơ cấu lao động theo từng bộ phận			
01	Hội đồng quản trị	05	05	05
02	Ban kiểm soát	03	03	03
03	Ban Tổng Giám đốc	04	04	04
04	Phòng TCHC - bảo vệ	18	18	18
05	Phòng Kỹ thuật QC	06	07	07
06	Phòng Kinh doanh tổng hợp	17	19	20
07	Phòng Kế toán	05	06	07

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
08	Phòng Marketing	08	09	10
09	Ban dự án xây dựng	03	03	03
10	Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm	12	13	14
11	Phân xưởng Khung	34	36	42
12	Phân xưởng 6	30	32	37
13	Phân xưởng Phụ tùng	55	70	95
	Tổng	200	225	265
II	Phân theo trình độ			
1	Đại học và trên đại học	48	50	55
2	Cao đẳng, trung cấp	32	36	38
3	Công nhân	120	139	172
	Tổng	200	225	265
III	Phân theo thời hạn hợp đồng			
1	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn	95	100	115
2	Lao động làm việc theo hợp đồng xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36	30	45	50
3	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12	75	80	100
	Tổng	200	225	265

(Trích Phương án SXKD – Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất)

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

- Tiền thu từ cổ phần hóa nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp phân giá trị Nhà nước bán bớt theo mệnh giá;
- Phần thặng dư vốn (chênh lệch giữa tiền thu từ cổ phần hóa và tổng mệnh giá cổ phần Nhà nước bán bớt cộng (+) cổ phần phát hành thêm được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư. Phần còn lại

(nếu có) được xử lý như sau:

+ Để lại cho công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ. Số tiền còn lại (nếu có) tiếp tục chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội.

2. Dự kiến chi phí cổ phần hóa

- Công ty dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa sẽ là: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: năm trăm triệu đồng chẵn).

- Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế, tình hình lạm phát, lãi suất là những nhân tố quan trọng tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Năm 2013 - 2014 kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Tăng trưởng GDP tiếp tục đạt mức 5,98% năm 2014, vượt chỉ tiêu 5,8% đặt ra.

Năm 2015, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt mức cao nhất 5 năm qua, ước đạt 6,68% so với kế hoạch đề ra là 6,2%. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2016 tiếp tục được đặt ra ở mức cao là 6,7%.

Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

1.2 Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo sự gia tăng của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các doanh nghiệp.

Năm 2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã thành công trong mục tiêu kiểm soát lạm phát. Theo mức lạm phát bình quân, lạm phát năm 2014 tăng 4,09% so với

năm 2013. Theo các số liệu do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố ngày 24/12/2015, mức lạm phát ở Việt Nam trong năm 2015 đã xuống thấp ở mức kỷ lục, tức là 0,63%. Nhưng cơ quan này dự báo là lạm phát của Việt Nam có thể lên đến 5% vào năm tới, do giá điện cũng như các chi phí giáo dục và y tế sẽ tăng mạnh.

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.

1.3 Lãi suất

Hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh do vậy sự biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất Việt Nam trong các năm trước diễn biến khá phức tạp và tăng khá cao qua các năm đã gây ra khá nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, từ cuối năm 2013 đến nay, Ngân hàng nhà nước yêu cầu áp trần lãi suất và giảm liên tục từ năm 2013 trở lại. Điều này đã giúp cải thiện hoạt động kinh doanh của rất nhiều doanh nghiệp khi thiếu vốn.

2. Rủi ro về pháp luật

Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, do đó hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật chuyên ngành khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện, việc vận dụng các quy định của luật pháp vào thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán. Hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của các quy định khác nhau như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật bảo vệ môi trường... Theo dự kiến, các sắc luật này sẽ tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro từ công nghệ

Là doanh nghiệp sản xuất, yếu tố về công nghệ là hết sức quan trọng đóng góp 1 phần không nhỏ vào quá trình phát triển doanh nghiệp. Công ty cũng chủ động áp dụng khoa học công nghệ vào trong quá trình sản xuất, tập trung đầu tư một số máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất, cải tiến mẫu mã sản phẩm. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến sẽ đầu tư công nghệ mới, hiện đại để sản xuất dòng xe siêu bền siêu nhẹ có thể cạnh tranh với các hãng sản xuất xe nổi tiếng trên thế giới.

3.2 Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm trở lại đây, xe đạp đang dần trở lại với người tiêu dùng. Nhu cầu tiêu dùng tăng, theo đó mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước cũng gia tăng. Doanh nghiệp phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong ngành cũng như của các hãng sản xuất xe đạp nổi tiếng trên thế giới đang xâm nhập thị trường Việt Nam, với lợi thế cạnh tranh cả về thương hiệu lẫn chất lượng, mẫu mã sản phẩm. Đặc biệt, các sản phẩm xe đạp của Trung Quốc với mẫu mã đa dạng và giá thành rẻ cũng tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với Công ty. Ngoài ra, vấn đề hàng giả, hàng nhái tràn lan trên thị trường cũng là một rủi ro tiềm ẩn đối với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam còn khá non trẻ, bên cạnh đó do ảnh hưởng của biến động của nền kinh tế thế giới và kinh tế đất nước trong thời gian qua dẫn tới tâm lý của các nhà đầu tư chưa thực sự ổn định. Phần đông số họ đang chờ các động thái tích cực hơn của Chính phủ và các chính sách ổn định kinh tế trong thời gian tới. Do đó làm cho tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi nổi. Chính vì vậy việc bán cổ phần ra công chúng trong thời điểm này sẽ gặp phải một số khó khăn bất lợi nhất định.

Tuy nhiên dựa trên cơ sở thương hiệu, uy tín đã được khẳng định trên thị trường của Công ty trong những năm qua và khả năng phát triển của Công ty trong thời gian tới, khả năng thành công của đợt chào bán có thể tăng lên đáng kể.

5. Rủi ro khác

Ngoài các loại rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: Rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị xã hội.....

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG:

1. Chủ sở hữu vốn Nhà nước

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: 79A, Đinh Tiên Hoàng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.38.253.536 - Fax:

2. Tổ chức phát hành

Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

Địa chỉ trụ sở chính: Số 10B Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04-38) 572 699 Fax: (04-38) 572 744

3. Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp

Công ty Cổ phần tư vấn – Dịch vụ về tài sản – Bất động sản DATC

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Hồng, Số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3972.2218

4. Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Địa chỉ: Tầng 6, Số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3728 0921 - Fax: (04) 3728 0920

IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

“a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Sau khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định tại Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 05/09/2014 về việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Phạm Công Bình

Phó Giám đốc Sở Tài chính

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỐNG NHẤT**



Nguyễn Hữu Sơn

Tổng Giám đốc

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TÂN VIỆT**



Lê Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc